

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIÁO DỤC TRẺ CỦA CÁC TRƯỜNG MẦM NON Ở HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Phan Trọng Nam^{1*} và Nguyễn Thị Thanh Thảo²

¹Phòng Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Phan Trọng Nam, Email: ptnam@dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 06/12/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 05/01/2025; Ngày duyệt đăng: 10/01/2025

Tóm tắt

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới theo xu hướng hiện đại. Bài báo phân tích thực trạng quản lý ứng dụng công nghệ thông tin tại các trường mầm non ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, chỉ ra các hạn chế chính: cơ sở hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, đặc biệt tại các khu vực khó khăn; năng lực công nghệ thông tin của giáo viên và cán bộ quản lý còn hạn chế; và sự thiếu đồng bộ trong các chính sách và hướng dẫn triển khai.

Để giải quyết những hạn chế này, bài báo đề xuất các biện pháp quản lý bao gồm: tăng cường vai trò lãnh đạo của hiệu trưởng trong nâng cao nhận thức và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin; lập kế hoạch ứng dụng phù hợp với thực tiễn nhà trường; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin; tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện; và tổ chức sơ kết, tổng kết định kỳ để cải thiện và điều chỉnh kế hoạch.

Những biện pháp này nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục trẻ mầm non tại huyện Long Phú, góp phần đổi mới phương pháp giáo dục và phát triển toàn diện trẻ em.

Từ khóa: Đổi mới giáo dục, giáo dục mầm non, huyện Long Phú, quản lý giáo dục, ứng dụng công nghệ thông tin.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.04S.2024.1465>

Trích dẫn: Phan, T. N., & Nguyễn, T. T. T. (2024). Biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục trẻ của các trường mầm non ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(04S), 264-277. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.04S.2024.1465>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

MEASURES TO MANAGE INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION IN CHILD EDUCATION AT KINDERGARTENS IN LONG PHU DISTRICT, SOC TRANG PROVINCE

Phan Trong Nam^{1*} and Nguyen Thi Thanh Thao²

¹Research Affairs Office, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

²Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

*Corresponding author: Phan Trong Nam, Email: ptnam@dthu.edu.vn

Article history

Received: 06/12/2024; Received in revised form: 05/01/2025; Accepted: 10/01/2025

Abstract

The application of information technology in preschool education plays a critical role in enhancing educational quality and aligning with the demands of modern educational innovation. This article analyzes the current information technology application management in kindergartens in Long Phu district, Soc Trang province. It highlights key limitations: unsynchronized technical infrastructure, particularly in underprivileged areas; insufficient information technology proficiency among teachers and administrators; and inconsistent policies and guidelines for implementation.

The article, therefore, proposes several management measures, including: strengthening the leadership role of principals in raising awareness and improving IT application capacity; developing practical and tailored information technology application plans; investing in information technology facilities and equipment; enhancing the inspection, supervision, and evaluation of implementation processes; and conducting regular reviews to refine and improve planning.

These measures aim to optimize information technology application effectiveness in preschool education in Long Phu district, fostering educational innovation and supporting the comprehensive development of children.

Keywords: Education management, educational innovation, information technology application, Long Phu district, preschool education.

1. Đặt vấn đề

Công nghệ thông tin (CNTT) đã trở thành công cụ không thể thiếu trong đổi mới giáo dục, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ. Ứng dụng CNTT không chỉ góp phần nâng cao chất lượng dạy và học mà còn mở ra cơ hội để giáo dục trẻ mầm non tiếp cận với các phương pháp giáo dục hiện đại, từ đó phát triển kỹ năng sáng tạo và tư duy số ngay từ nhỏ. Trong lĩnh vực giáo dục mầm non, CNTT hỗ trợ giáo viên (GV) thiết kế bài giảng sinh động, tổ chức các hoạt động giáo dục trực quan và hiệu quả, đồng thời cải thiện khả năng quản lý và đánh giá chất lượng giáo dục. (Nguyễn, 2021).

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai ứng dụng CNTT trong giáo dục trẻ tại các trường mầm non ở nhiều địa phương vẫn còn nhiều khó khăn và hạn chế. Những thách thức này bao gồm cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu, kỹ năng CNTT của GV còn hạn chế, và công tác quản lý chưa đồng bộ. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, để nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT, cần có các giải pháp quản lý cụ thể như cải thiện cơ sở vật chất, tăng cường bồi dưỡng kỹ năng cho GV, và xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá hiệu quả (Lê, 2024; Nguyễn & Phạm, 2024). Bên cạnh đó, mô hình kiểm tra, đánh giá thông minh do Cổ Tôn Minh Đăng và Trần Thị Tâm Minh đề xuất đã chỉ ra tiềm năng tích hợp CNTT trong các quy trình quản lý giáo dục, mở ra hướng phát triển mới cho giáo dục mầm non (Cổ & Trần, 2024).

Tại các địa phương, nhiều nghiên cứu đã làm rõ thực trạng quản lý ứng dụng CNTT trong giảng dạy ở các cấp học khác nhau. Nghiên cứu của Lê Thị Như Mai tại huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (Lê, 2024) và của Hồng Văn Thái và Phạm Minh Giản tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Hồng & Phạm, 2024) đều nhấn mạnh vai trò của lập kế hoạch cụ thể và bồi dưỡng chuyên môn để giải quyết những khó khăn trong triển khai CNTT vào dạy học. Ngoài ra, nghiên cứu của Dương Trường Sơn và Phan Ngọc Thạch (2023) tại huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng đã chỉ ra rằng quản lý hiệu quả CNTT đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các yếu tố như cơ sở hạ tầng, kỹ năng GV và hệ thống giám sát hiệu quả (Dương & Phan, 2023).

Riêng trong giáo dục mầm non, những thách thức tại huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng phản ánh rõ nét sự thiếu đồng bộ trong các yếu tố hỗ trợ ứng dụng CNTT. Những khó khăn này không chỉ đến từ hạn chế về cơ sở vật chất mà còn từ năng lực sử dụng CNTT của đội ngũ GV và nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của CNTT trong giáo dục. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Hiền cũng nhấn mạnh rằng việc nâng cao năng lực GV thông qua các tiêu chí chuẩn nghề nghiệp có thể đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hiệu quả quản lý ứng dụng CNTT (Nguyễn, 2021).

Nghiên cứu này được triển khai với sự tham gia của 85 đáp viên, bao gồm 15 cán bộ quản lý (CBQL) (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn) và 70 GV (không giữ chức vụ quản lý). Dữ liệu được thu thập thông qua thang đo Likert 4 mức độ tăng dần: Mức 1 (Rất thấp) từ 1,00 đến 1,75; Mức 2 (Thấp) từ 1,76 đến 2,50; Mức 3 (Khá) từ 2,51 đến 3,25; và Mức 4 (Cao) từ 3,26 đến 4,00. Các đáp viên đánh giá các yếu tố thuộc tính trong tổ chức và quản lý hoạt động ứng dụng CNTT từ “ít ảnh hưởng” đến “ảnh hưởng rất nhiều,” qua đó xác định rõ các yếu tố cản trở hoặc thúc đẩy hiệu quả ứng dụng CNTT tại các trường mầm non.

Nghiên cứu này tập trung phân tích thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất biện pháp quản lý hiệu quả hoạt động ứng dụng CNTT trong giáo dục trẻ tại các trường mầm non huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần cải thiện chất lượng giáo dục mầm non tại địa phương mà còn cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để hỗ trợ các địa phương có điều kiện tương đồng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Thực trạng hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục trẻ ở trường mầm non

2.1.1. Nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục trẻ

Nhận thức rõ ràng về vai trò của CNTT trong giáo dục mầm non: Kết quả khảo sát cho thấy CBQL và GV tại các trường mầm non huyện Long Phú nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của CNTT trong giáo dục. Các nội dung khảo sát đều đạt mức "Quan trọng," với điểm trung bình (ĐTB) từ 3,18 đến 3,23. Nội dung "Đa dạng hình thức giáo dục, góp phần làm bài giảng thêm trực quan, sinh động" có ĐTB cao nhất (3,23), phản ánh sự coi trọng của CBQL và GV đối với việc tăng cường tính trực quan và sinh động trong giảng dạy nhờ ứng dụng CNTT. Nội dung "Góp phần đổi mới phương pháp trong giáo dục trẻ" đạt ĐTB = 3,21, khẳng định vai trò của CNTT trong việc đổi mới phương pháp giáo dục. Nội dung "Giúp hoạt động giáo dục đạt hiệu quả cao hơn" với ĐTB = 3,18, cho thấy tiềm năng ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả giáo dục.

Sự đồng đều và tiềm năng nâng cao nhận thức: Nhận thức của CBQL và GV về vai trò của CNTT trong giáo dục mầm non có sự đồng đều, với mức chênh lệch điểm trung bình nhỏ (0,05). Điều này thể hiện sự nhất quán trong đánh giá về tầm quan trọng của CNTT, đặc biệt trong các khía cạnh liên quan đến giảng dạy và quản lý giáo dục. Hơn nữa, các giá trị ĐTB hiện tại gần mức "Rất quan trọng," cho thấy khả năng nâng cao nhận thức nếu có sự đầu tư hợp lý. Các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, đầu tư cơ sở vật chất, và tăng cường thực hành ứng dụng CNTT là những biện pháp cần thiết để cải thiện nhận thức và nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT tại địa phương.

Hạn chế trong nhận thức và điều kiện triển khai: Mặc dù nhận thức về tầm quan trọng của CNTT đã đạt mức "Quan trọng" nhưng chưa có nội dung nào đạt mức "Rất quan trọng." Nội dung "Giúp hoạt động giáo dục đạt hiệu quả cao hơn" xếp cuối với ĐTB = 3,18, phản ánh rằng vai trò tổng quát của CNTT trong cải thiện hiệu quả giáo dục chưa được coi là ưu tiên hàng đầu. Ngoài ra, hạn chế về cơ sở vật chất, kỹ năng CNTT của GV, và sự hỗ trợ từ công tác quản lý là những trở ngại cần được giải quyết. Những vấn đề này đòi hỏi các giải pháp đồng bộ để nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

2.1.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ của các trường mầm non ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

Bảng 1. Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế bài dạy

TT	Nội dung	Mức độ				Điểm trung bình	Thứ bậc
		Không thường xuyên	Ít thường xuyên	Thường xuyên	Rất thường xuyên		
1	Sử dụng đa dạng nhiều phần mềm trong CNTT	1	8	25	51	3,43	2
2	Việc sử dụng CNTT để tìm kiếm và khai thác tài liệu, thông tin phục vụ cho hoạt động giảng dạy	32	27	14	12	2,03	3

TT	Nội dung	Mức độ				Điểm trung bình	Thứ bậc
		Không thường xuyên	Ít thường xuyên	Thường xuyên	Rất thường xuyên		
3	Việc sử dụng các công cụ CNTT để đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của trẻ	35	28	13	9	1,95	5
4	Việc nhận sự hỗ trợ và điều kiện từ nhà trường để ứng dụng CNTT trong giảng dạy	36	21	14	14	2,02	4
5	Việc sử dụng CNTT để thiết kế kế hoạch giáo dục và bài giảng	0	0	47	38	3,44	1

Từ kết quả thống kê ở Bảng 1 chúng tôi nhận thấy: Việc ứng dụng CNTT trong giáo dục trẻ tại huyện Long Phú đã đạt được những kết quả tích cực, đặc biệt trong thiết kế bài giảng và sử dụng phần mềm hỗ trợ, giúp nâng cao chất lượng giảng dạy. Tuy nhiên, hạn chế trong việc sử dụng CNTT để đánh giá kết quả học tập của trẻ cần được khắc phục, cụ thể như sau:

Ứng dụng CNTT hiệu quả trong thiết kế bài giảng và kế hoạch giáo dục: Nội dung "Sử dụng CNTT để thiết kế kế hoạch giáo dục và bài giảng" đạt điểm trung bình cao nhất (3,44), xếp thứ 1. Điều này cho thấy GV đã tận dụng tốt CNTT để nâng cao chất lượng giảng dạy, giúp các bài học trở nên sinh động, hấp dẫn hơn, đồng thời đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục trong bối cảnh hiện nay.

Sử dụng đa dạng phần mềm hỗ trợ giảng dạy: Nội dung "Sử dụng đa dạng nhiều phần mềm trong CNTT" đạt điểm trung bình 3,43, xếp thứ 2. Giáo viên đã tích cực sử dụng các phần mềm hỗ trợ, mang lại sự sáng tạo và hiệu quả trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Sự đa dạng trong công cụ giảng dạy này không chỉ giúp tối ưu hóa việc truyền đạt kiến thức mà còn tạo hứng thú cho trẻ trong quá trình học tập.

Bên cạnh 2 ưu điểm nêu trên thì thực trạng này cũng có hạn chế nổi bật "Ứng dụng CNTT trong đánh giá kết quả học tập của trẻ còn hạn chế". Nội dung "Sử dụng các công cụ CNTT để đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của trẻ" có điểm trung bình thấp nhất (1,95), xếp thứ 5. Đa số GV cho rằng họ "Không thường xuyên" hoặc "Ít thường xuyên" thực hiện hoạt động này. Điều này cho thấy việc tích hợp CNTT trong đánh giá học sinh chưa được quan tâm đúng mức, có thể do thiếu kỹ năng, công cụ chuyên dụng hoặc chưa có định hướng rõ ràng từ nhà trường.

2.1.3. Thực trạng điều kiện đảm bảo hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục trẻ của các trường mầm non ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

Điều kiện đảm bảo ứng dụng CNTT trong giáo dục trẻ tại huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã có những tiến bộ đáng kể nhờ vào sự cải thiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ. Kết quả thống kê cho thấy các điều kiện đảm bảo ứng dụng CNTT đạt mức "Tương đối đầy đủ" đến "Đầy đủ," với điểm trung bình dao động từ 3,18 đến 3,34. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục để tối ưu hóa việc ứng dụng CNTT trong giáo dục trẻ và cụ thể như sau:

Các ưu điểm nổi bật:

Hạ tầng mạng và kết nối Internet: Nội dung "Hạ tầng mạng và kết nối Internet đáp ứng nhu cầu sử dụng CNTT" đạt điểm trung bình cao nhất (3,34), xếp thứ 1. Điều này khẳng định

các trường mầm non đã đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống mạng, tạo điều kiện thuận lợi để GV khai thác tài liệu, tổ chức các hoạt động giáo dục trực tuyến và áp dụng CNTT hiệu quả trong giảng dạy.

Phần mềm và tài liệu hỗ trợ: Nội dung "Nhà trường cung cấp đủ phần mềm và tài liệu hỗ trợ" có điểm trung bình 3,27, xếp thứ 2. Phần lớn GV đánh giá ở mức "Tương đối đầy đủ" (38 người) và "Đầy đủ" (36 người), cho thấy sự quan tâm của nhà trường trong việc cung cấp công cụ hỗ trợ chuyên môn. Việc có đầy đủ phần mềm và tài liệu hỗ trợ giúp GV dễ dàng triển khai các phương pháp giảng dạy hiện đại, nâng cao chất lượng giáo dục.

Trang thiết bị CNTT đáp ứng nhu cầu giảng dạy: Trang thiết bị như máy tính, máy chiếu, bảng tương tác được đánh giá cao với điểm trung bình 3,25, xếp thứ 3. Dù vẫn còn một số hạn chế về số lượng trang thiết bị tại một số trường (14 người đánh giá "Còn thiếu"), phần lớn GV nhận xét rằng các thiết bị này đáp ứng cơ bản nhu cầu sử dụng CNTT trong giảng dạy.

Hạn chế cần khắc phục:

Kho học liệu dùng chung của nhà trường. Nội dung "Kho học liệu dùng chung của nhà trường" đạt điểm trung bình thấp nhất (3,18), xếp thứ 5. Kết quả này cho thấy việc xây dựng và sử dụng kho học liệu chưa đồng bộ hoặc chưa được triển khai đầy đủ. Điều này có thể gây khó khăn cho GV trong việc tiếp cận và chia sẻ tài liệu, hạn chế khả năng ứng dụng CNTT trong giáo dục.

2.2 Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục trẻ các trường mầm non ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

2.2.1. Thực trạng lập kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ của các trường mầm non ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức tích cực của CBQL và GV về tầm quan trọng của việc lập kế hoạch ứng dụng CNTT, đặc biệt trong nâng cao chất lượng giảng dạy và cải thiện sự tương tác với phụ huynh. Tuy nhiên, hạn chế trong phát triển kỹ năng CNTT cho GV vẫn cần được chú trọng để đảm bảo hiệu quả ứng dụng CNTT trong giáo dục trẻ và cụ thể như sau:

Kết quả nổi bật:

Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập: Kết quả khảo sát cho thấy nội dung "Lập kế hoạch ứng dụng CNTT để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập" đạt điểm trung bình cao nhất (3,23), xếp thứ 1. Phần lớn ý kiến khảo sát đánh giá ở mức "Cần thiết" và "Rất cần thiết" (70 người). Điều này khẳng định rằng CBQL và GV nhận thức rõ vai trò quan trọng của CNTT trong việc cải thiện chất lượng giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số.

Cải thiện tương tác giữa GV và phụ huynh: Nội dung "Đánh giá mức độ cần thiết của việc lập kế hoạch ứng dụng CNTT để cải thiện và tăng cường sự tương tác giữa GV và phụ huynh" đạt điểm trung bình 3,07, xếp thứ 2. Phần lớn ý kiến đánh giá nội dung này ở mức "Cần thiết" và "Rất cần thiết" (63 người), cho thấy CNTT đang đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối giữa nhà trường và phụ huynh, thúc đẩy sự tham gia tích cực vào quá trình giáo dục trẻ.

Hạn chế cần khắc phục:

Phát triển kỹ năng CNTT cho GV. Nội dung "Lập kế hoạch ứng dụng CNTT trong đào tạo và phát triển kỹ năng CNTT cho GV" có điểm trung bình thấp nhất (3,02), xếp thứ 3. Mặc dù phần lớn ý kiến vẫn đánh giá ở mức "Cần thiết" (35 người), việc đào tạo kỹ năng CNTT cho GV chưa được ưu tiên hàng đầu. Điều này phản ánh sự cần thiết phải đầu tư nhiều hơn vào việc phát triển năng lực ứng dụng CNTT của đội ngũ GV để đáp ứng yêu cầu đổi mới giảng dạy.

2.2.2. *Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ của các trường mầm non ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng*

Kết quả khảo sát về thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ của các trường mầm non ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả khảo sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ của các trường mầm non

TT	Nội dung	Mức độ				Điểm trung bình	Thứ bậc
		Không thực hiện	Ít thực	Thực hiện	Thực hiện nhiều		
1	Tổ chức các buổi tập huấn và đào tạo về ứng dụng CNTT cho GV mầm non theo kế hoạch từng năm học:	5	15	40	25	3,00	3
2	Hỗ trợ GV trong việc tích hợp CNTT vào các hoạt động giảng dạy và học tập hàng ngày	3	10	37	35	3,20	1
3	Thực hiện kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh trong việc ứng dụng CNTT để hỗ trợ giáo dục trẻ	8	18	35	24	2,87	4
4	Sơ kết và đánh giá định kỳ kế hoạch quản lý mục tiêu ứng dụng CNTT trong giáo dục trẻ mầm non	2	12	30	41	3,25	2

Ưu điểm nổi bật:

Hỗ trợ GV tích hợp CNTT vào giảng dạy; Nội dung "Hỗ trợ GV trong việc tích hợp CNTT vào các hoạt động giảng dạy và học tập hàng ngày" đạt điểm trung bình cao nhất (3,20), xếp thứ nhất. Phần lớn GV đánh giá nội dung này ở mức "Thực hiện" và "Thực hiện nhiều" (72 phiếu). Điều này phản ánh sự ưu tiên của nhà trường trong việc hỗ trợ GV ứng dụng CNTT, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Việc triển khai hiệu quả hoạt động này tạo nền tảng cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy và tăng tính tương tác trong lớp học.

Sơ kết và đánh giá định kỳ kế hoạch ứng dụng CNTT: Nội dung "Sơ kết và đánh giá định kỳ kế hoạch quản lý mục tiêu ứng dụng CNTT" đạt điểm trung bình 3,25, xếp thứ hai. Hoạt động này được phần lớn GV và CBQL đánh giá ở mức "Thực hiện nhiều" (41 phiếu), cho thấy các trường đã thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá và điều chỉnh kế hoạch theo định kỳ. Đây là một điểm sáng trong tổ chức ứng dụng CNTT, giúp đảm bảo tính hiệu quả và tính thực tiễn của kế hoạch.

Hạn chế cần khắc phục:

Hạn chế trong phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh. Nội dung "Thực hiện kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh trong việc ứng dụng CNTT để hỗ trợ giáo dục trẻ" có

điểm trung bình thấp nhất (2,87), xếp thứ tư. Một tỷ lệ đáng kể ý kiến cho rằng hoạt động này "Ít thực hiện" (18 phiếu) hoặc "Không thực hiện" (8 phiếu). Sự hạn chế này có thể ảnh hưởng đến việc tận dụng hiệu quả CNTT trong hỗ trợ giáo dục trẻ, đồng thời giảm mức độ kết nối giữa gia đình và nhà trường trong quá trình học tập của trẻ.

2.2.3. Thực trạng chỉ đạo thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ của các trường mầm non ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

Thực trạng chỉ đạo thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ tại các trường mầm non ở huyện Long Phú được đánh giá qua các khía cạnh như chỉ đạo từ cấp quản lý, sự hỗ trợ từ nhà trường, giám sát hiệu quả thực hiện và cải tiến công tác ứng dụng CNTT. Kết quả khảo sát từ Bảng 2,9 cho thấy điểm trung bình của các nội dung dao động từ 3,05 đến 3,25, phản ánh mức độ tổ chức khá đồng đều giữa các hoạt động và kết quả chi tiết như sau:

Ưu điểm nổi bật:

Sự quan tâm và hỗ trợ từ nhà trường: Nội dung "Mức độ quan tâm và hỗ trợ của nhà trường trong việc ứng dụng CNTT vào giáo dục trẻ" đạt điểm trung bình cao nhất (3,25), xếp thứ nhất. Số lượng lớn phiếu ở mức "Khá" (35 phiếu) và "Tốt" (36 phiếu) cho thấy nhà trường đã tích cực hỗ trợ GV trong việc tiếp cận và sử dụng CNTT. Sự hỗ trợ này không chỉ cải thiện chất lượng giáo dục mà còn tạo điều kiện thuận lợi để GV ứng dụng CNTT một cách hiệu quả hơn.

Giám sát và đánh giá hiệu quả kế hoạch: Nội dung "Việc giám sát và đánh giá hiệu quả thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT" đạt điểm trung bình 3,24, xếp thứ hai. Phần lớn ý kiến đánh giá ở mức "Khá" (38 phiếu) và "Tốt" (36 phiếu) thể hiện rằng nhà trường đã chú trọng đến việc giám sát và đánh giá các hoạt động thực hiện. Điều này giúp đảm bảo rằng kế hoạch ứng dụng CNTT được triển khai đúng mục tiêu và đạt hiệu quả mong đợi.

Hạn chế cần cải thiện:

Những thay đổi và cải tiến chưa đồng bộ. Nội dung "Những thay đổi và cải tiến trong công tác ứng dụng CNTT trong giáo dục trẻ" có điểm trung bình thấp nhất (3,05), xếp thứ tư. Mặc dù số lượng phiếu ở mức "Khá" (35 phiếu) và "Tốt" (30 phiếu) chiếm đa số, nhưng vẫn có 5 phiếu đánh giá "Chưa đạt". Điều này phản ánh rằng các thay đổi và cải tiến chưa được triển khai đồng bộ giữa các trường, dẫn đến hiệu quả chưa đạt mức mong đợi trong việc nâng cao chất lượng ứng dụng CNTT.

2.2.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ của các trường mầm non ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

Thực trạng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT tại các trường mầm non ở huyện Long Phú được phản ánh qua các nội dung chính, bao gồm: báo cáo kết quả ứng dụng CNTT, tổ chức kiểm tra kết quả học tập của trẻ qua CNTT, giám sát từ cấp quản lý, và kiểm tra sự tiến bộ của trẻ thông qua CNTT. Dưới đây là các kết quả nổi bật và hạn chế:

Kết quả nổi bật:

Sự quan tâm từ cấp quản lý trong kiểm tra và đánh giá hiệu quả ứng dụng CNTT: Nội dung "Kiểm tra và đánh giá hiệu quả ứng dụng CNTT ở các cấp quản lý" đạt điểm trung bình cao nhất (2,81), xếp thứ nhất. Phần lớn ý kiến đánh giá ở mức "Thường xuyên" (24 phiếu) và "Rất thường xuyên" (28 phiếu). Điều này cho thấy cấp quản lý đã có sự quan tâm đáng kể, đảm bảo việc giám sát và đánh giá hiệu quả các kế hoạch ứng dụng CNTT một cách tích cực và liên tục.

Thực hiện báo cáo kết quả ứng dụng CNTT và kiểm tra kết quả học tập của trẻ qua CNTT

Cả hai nội dung này đạt điểm trung bình 2,49, xếp thứ hai. Dù được thực hiện ở mức độ trung bình, vẫn có số lượng lớn ý kiến ở mức "Không thường xuyên" (19 phiếu) và "Ít thường xuyên" (26 phiếu).

Kết quả này cho thấy GV đã thực hiện báo cáo và kiểm tra, nhưng mức độ thực hiện còn thiếu tính đều đặn và cần có sự cải thiện trong tổ chức.

Hạn chế cần khắc phục:

Kiểm tra sự tiến bộ của trẻ qua CNTT chưa được chú trọng. Nội dung "Kiểm tra sự tiến bộ của trẻ qua CNTT trong mỗi học kỳ" có điểm trung bình thấp nhất (2,25), xếp thứ tư. Số lượng ý kiến ở mức "Không thường xuyên" (26 phiếu) và "Ít thường xuyên" (26 phiếu) chiếm tỷ lệ lớn. Điều này phản ánh rằng việc theo dõi sự tiến bộ của trẻ thông qua CNTT chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến hạn chế trong việc điều chỉnh các kế hoạch giảng dạy phù hợp và kịp thời.

2.2.5. *Thực trạng quản lý các điều kiện đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ của các trường mầm non ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng*

Bảng 3. Kết quả đánh giá về công tác quản lý các điều kiện đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ của các trường mầm non

TT	Nội dung	Mức độ				ĐTB	Thứ hạng
		Không thường xuyên	Ít thường xuyên	Thường xuyên	Rất thường xuyên		
1	Quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị CNTT	18	27	20	20	2,49	2
2	Quản lý hạ tầng mạng và kết nối Internet	11	22	24	28	2,81	1
3	Quản lý tài liệu và phần mềm hỗ trợ	26	26	18	15	2,25	3

Bảng 3 cho thấy công tác quản lý các điều kiện đảm bảo ứng dụng CNTT tại các trường mầm non đạt được một số kết quả tích cực, đặc biệt trong quản lý hạ tầng mạng và kết nối Internet. Với điểm trung bình cao nhất (2,81), việc quản lý hạ tầng mạng và kết nối Internet được đánh giá "Thường xuyên" đến "Rất thường xuyên" bởi phần lớn GV và CBQL. Điều này phản ánh sự quan tâm của nhà trường đến việc duy trì kết nối mạng ổn định, đảm bảo hỗ trợ ứng dụng CNTT trong giáo dục trẻ.

Ngoài ra, công tác quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị CNTT cũng đạt mức trung bình khá (2,49), cho thấy các trường đã chú trọng đến việc cung cấp thiết bị như máy tính, máy chiếu, và bảng tương tác. Tuy nhiên, việc kiểm tra và bảo dưỡng thiết bị chưa được thực hiện đồng đều tại tất cả các trường, dẫn đến sự chênh lệch trong khả năng khai thác và sử dụng.

Hạn chế cần khắc phục: Một trong những điểm hạn chế đáng chú ý là việc quản lý tài liệu và phần mềm hỗ trợ CNTT. Với điểm trung bình thấp nhất (2,25), nội dung này phản ánh sự thiếu hụt cả về số lượng lẫn chất lượng các tài liệu và phần mềm hỗ trợ. Phần lớn ý kiến cho rằng việc cung cấp tài liệu và phần mềm hỗ trợ chưa được thực hiện "Thường xuyên", dẫn đến khó khăn trong việc khai thác tài nguyên CNTT phục vụ giảng dạy. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả ứng dụng CNTT trong giáo dục trẻ.

2.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục trẻ các trường mầm non ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

2.3.1. Các yếu tố khách quan

Yếu tố được đánh giá có ảnh hưởng lớn:

Tình hình tài chính là yếu tố khách quan có ảnh hưởng nhiều nhất đến công tác quản lý ứng dụng CNTT tại các trường mầm non. Các trường đang gặp khó khăn trong việc phân bổ ngân sách để đầu tư mua sắm thiết bị CNTT, cải thiện cơ sở hạ tầng và duy trì các hoạt động liên quan. Nguồn ngân sách nhà nước hiện tại không đủ để đáp ứng nhu cầu thực tế, đặc biệt tại các trường ở khu vực nông thôn hoặc vùng sâu, vùng xa. Sự thiếu hụt tài chính đã làm giảm hiệu quả triển khai các kế hoạch ứng dụng CNTT và hạn chế khả năng duy trì các hoạt động này.

Chương trình đào tạo và bồi dưỡng GV cũng là yếu tố có ảnh hưởng lớn. Việc cập nhật và nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT cho GV được xem là điều kiện tiên quyết để đảm bảo chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, chương trình đào tạo hiện tại chưa thực sự đồng bộ và thường xuyên, dẫn đến hạn chế trong việc áp dụng CNTT vào giảng dạy. Điều này cho thấy sự cần thiết của việc tổ chức các khóa đào tạo liên tục và phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương.

Yếu tố được đánh giá ảnh hưởng ít hơn:

Sự hỗ trợ từ phụ huynh và cộng đồng là yếu tố được đánh giá có ảnh hưởng ít hơn so với các yếu tố khác. Dù phụ huynh và cộng đồng có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn lực và tạo môi trường thuận lợi để ứng dụng CNTT, mức độ quan tâm và tham gia hiện tại chưa mạnh mẽ. Sự hạn chế này làm giảm hiệu quả huy động tài nguyên từ xã hội và tạo ra khoảng trống trong việc hỗ trợ các hoạt động giáo dục sử dụng CNTT.

2.3.2. Các yếu tố chủ quan

Các yếu tố được đánh giá có ảnh hưởng lớn:

Năng lực chuyên môn của CBQL và GV được đánh giá là yếu tố chủ quan có ảnh hưởng lớn nhất đến công tác quản lý ứng dụng CNTT, với điểm trung bình cao nhất (2,81). Đây là yếu tố quyết định hiệu quả triển khai CNTT vào các hoạt động giảng dạy và quản lý giáo dục. Năng lực chuyên môn không chỉ bao gồm kỹ năng sử dụng các công cụ CNTT mà còn khả năng tích hợp công nghệ vào các kế hoạch và hoạt động giáo dục hàng ngày. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT.

Thái độ và tinh thần trách nhiệm của CBQL và GV cũng là yếu tố có ảnh hưởng đáng kể, với điểm trung bình 2,69, xếp thứ hai. Sự cam kết, ý thức trách nhiệm và tinh thần tích cực trong công việc đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ứng dụng CNTT hiệu quả. Thái độ và tinh thần trách nhiệm cao giúp CBQL và GV tận dụng tốt các nguồn lực sẵn có, đồng thời thúc đẩy sự đổi mới trong giáo dục trẻ.

Yếu tố được đánh giá ít ảnh hưởng:

Khả năng tự học và đổi mới của CBQL và GV là yếu tố có ảnh hưởng thấp nhất, với điểm trung bình 2,25. Điều này phản ánh rằng CBQL và GV chưa thực sự chủ động trong việc tự học, tự nâng cao kiến thức và kỹ năng CNTT. Sự thiếu đổi mới trong tư duy và phương pháp giảng dạy là một trở ngại lớn đối với việc áp dụng CNTT hiệu quả. Điều này đòi hỏi cần có các chính sách khuyến khích, hỗ trợ để cải thiện khả năng tự học và đổi mới.

2.4. Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục trẻ của các trường mầm non ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

2.4.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của hiệu trưởng trong nâng cao nhận thức và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin

Mục tiêu của biện pháp: Biện pháp này nhằm nâng cao nhận thức cho CBQL và GV về tầm quan trọng của ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non. Đồng thời, biện pháp tập trung bồi dưỡng kỹ năng sử dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy, từ thiết kế bài giảng số hóa đến sử dụng phần mềm hỗ trợ. Qua đó, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số, hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện cho trẻ.

Nội dung của biện pháp: Biện pháp bao gồm các hoạt động chính: (1) Nâng cao nhận thức, thông qua các hội thảo, chuyên đề và truyền thông nội bộ để phổ biến lợi ích của CNTT; (2) Bồi dưỡng kỹ năng, với các khóa đào tạo về thiết kế bài giảng số hóa, sử dụng phần mềm giảng dạy và quản lý; (3) Thành lập tổ hỗ trợ chuyên môn CNTT, bao gồm các CBQL và GV có năng lực để hỗ trợ đồng nghiệp trong việc ứng dụng CNTT; và (4) Đánh giá và cải thiện năng lực ứng dụng CNTT, với các buổi đánh giá định kỳ nhằm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng dựa trên nhu cầu thực tiễn.

Cách thức thực hiện biện pháp: Hiệu trưởng tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề và phát động phong trào “Ứng dụng CNTT để đổi mới giáo dục mầm non”. Các khóa đào tạo được phối hợp với trung tâm đào tạo CNTT, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tập trung vào các nội dung thiết thực. Nhóm hỗ trợ chuyên môn CNTT được thành lập để giải đáp khó khăn và hỗ trợ triển khai CNTT trong thực tiễn. Cuối cùng, các bài kiểm tra thực hành định kỳ và thu thập ý kiến phản hồi từ đội ngũ CBQL và GV sẽ giúp hiệu chỉnh và nâng cao hiệu quả của biện pháp.

2.4.2. Lập kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với thực tiễn và chiến lược phát triển của nhà trường

Mục tiêu của biện pháp: Biện pháp này đặt mục tiêu xây dựng một kế hoạch ứng dụng CNTT phù hợp với thực tiễn và định hướng chiến lược phát triển của nhà trường. Việc lập kế hoạch đảm bảo tính khoa học và lộ trình rõ ràng, giúp nâng cao chất lượng giáo dục trẻ, cải thiện hiệu quả công tác quản lý, và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục mầm non. Đồng thời, kế hoạch tạo cơ sở để tổ chức, kiểm tra và đánh giá hiệu quả triển khai CNTT, góp phần phát triển toàn diện năng lực đội ngũ CBQL và GV.

Nội dung của biện pháp: Biện pháp này tập trung vào ba nội dung chính: (1) Đánh giá thực trạng ứng dụng CNTT, bao gồm rà soát cơ sở vật chất, thiết bị CNTT, và trình độ CNTT của đội ngũ CBQL và GV; (2) Xác định mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, đảm bảo gắn liền với nâng cao chất lượng giảng dạy và quản lý; (3) Thiết kế nội dung cụ thể, như tích hợp CNTT trong bài giảng, quản lý dữ liệu nội bộ và liên kết với phụ huynh thông qua các kênh trực tuyến. Việc lập lộ trình triển khai được chia thành ba giai đoạn: chuẩn bị, thử nghiệm và mở rộng, giúp đảm bảo tính khả thi và hiệu quả thực hiện.

Cách thức thực hiện biện pháp: Hiệu trưởng chịu trách nhiệm xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch, phối hợp với phó hiệu trưởng, tổ CNTT và GV. Kế hoạch được triển khai thông qua các hoạt động như tổ chức đào tạo CNTT cho GV, thực hiện thử nghiệm ứng dụng CNTT trong giảng dạy và quản lý, và kiểm tra định kỳ để đánh giá hiệu quả. Đồng thời, nhà trường gắn kết việc ứng dụng CNTT với các mục tiêu phát triển dài hạn, như nâng cao chất lượng đội ngũ, cải thiện cơ sở vật chất và xây dựng môi trường giáo dục số hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non.

2.4.3. Phát triển cơ sở vật chất và trang thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu giảng dạy

Mục tiêu của biện pháp: Biện pháp này nhằm đảm bảo nhà trường được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị CNTT phù hợp, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và quản lý giáo dục mầm non trong thời kỳ chuyển đổi số. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ CBQL và GV áp dụng CNTT một cách hiệu quả, hướng tới xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trẻ.

Nội dung của biện pháp: Nội dung biện pháp bao gồm việc rà soát, đánh giá hiện trạng thiết bị CNTT tại trường, xác định những nhu cầu cần thiết và lập kế hoạch đầu tư, nâng cấp. Tập trung vào việc cải thiện hạ tầng mạng internet, cung cấp trang thiết bị như máy tính, máy chiếu, phần mềm hỗ trợ, đồng thời tổ chức các khóa tập huấn cho CBQL và GV để sử dụng thiết bị hiệu quả. Huy động nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, xã hội hóa, và các tổ chức, doanh nghiệp nhằm tăng cường nguồn đầu tư. Ngoài ra, việc bảo trì định kỳ, xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu số và thiết kế các phòng học hiện đại tích hợp CNTT cũng được chú trọng để đảm bảo tính bền vững.

Cách thức thực hiện biện pháp: Hiệu trưởng đóng vai trò chủ đạo trong xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng bộ phận, và giám sát việc triển khai. Kế hoạch được triển khai thông qua huy động nguồn lực xã hội, phối hợp với các cơ quan giáo dục và doanh nghiệp công nghệ. Nhà trường cần tổ chức kiểm tra định kỳ, giám sát sử dụng thiết bị CNTT để đảm bảo hoạt động hiệu quả, đồng thời đánh giá hiệu quả qua các báo cáo thực tế từ CBQL và GV. Cuối cùng, các điều chỉnh cần được thực hiện kịp thời nhằm tối ưu hóa việc sử dụng cơ sở vật chất CNTT, hướng tới mục tiêu phát triển giáo dục mầm non toàn diện và hiện đại.

3.2.4. Tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin

Mục tiêu của biện pháp: Biện pháp này nhằm đảm bảo các hoạt động ứng dụng CNTT tại trường mầm non được thực hiện đồng bộ, hiệu quả và đúng kế hoạch. Thông qua kiểm tra và giám sát, nhà trường có thể kịp thời phát hiện các khó khăn, hạn chế, từ đó đưa ra giải pháp điều chỉnh phù hợp. Đồng thời, việc đánh giá hiệu quả triển khai CNTT giúp rút kinh nghiệm, cải tiến kế hoạch và đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển của giáo dục mầm non.

Nội dung của biện pháp: Biện pháp tập trung vào xây dựng quy trình kiểm tra, giám sát, và đánh giá cụ thể, bao gồm nội dung kiểm tra về giảng dạy, quản lý, và cơ sở vật chất. Trong giảng dạy, kiểm tra việc sử dụng CNTT trong thiết kế bài giảng và tích hợp vào các hoạt động giáo dục. Đối với quản lý, giám sát việc sử dụng phần mềm quản lý giáo dục và tiến độ thực hiện mục tiêu. Với cơ sở vật chất, đánh giá tình trạng sử dụng, bảo quản thiết bị, và hiệu quả các hoạt động bảo trì. Phân công rõ nhiệm vụ: hiệu trưởng chỉ đạo chung, tổ CNTT hỗ trợ kỹ thuật và GV chủ nhiệm thu thập minh chứng thực tế. Kết quả đánh giá được sử dụng để tổng hợp ý kiến phản hồi và cải tiến kế hoạch triển khai.

Cách thức thực hiện biện pháp: Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ theo từng giai đoạn và tổ chức thực hiện với sự tham gia của tổ CNTT và GV. Các công cụ như phiếu khảo sát, danh sách kiểm tra, và báo cáo trực tuyến được áp dụng để thu thập thông tin khách quan. Sau kiểm tra, các kết quả được tổng hợp và phân tích để so sánh với mục tiêu đã đề ra, từ đó tổ chức các buổi họp để thảo luận và điều chỉnh kế hoạch. Các giải pháp cải tiến sẽ được phổ biến đến toàn bộ đội ngũ GV và CBQL để đảm bảo sự thống nhất và nâng cao hiệu quả triển khai CNTT trong giáo dục mầm non.

2.4.5. Tổ chức sơ kết và tổng kết định kỳ kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin

Mục tiêu của biện pháp: Biện pháp này nhằm đánh giá hiệu quả thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong giảng dạy và quản lý tại các trường mầm non theo từng giai đoạn, từ đó kịp thời nhận diện khó khăn và đề xuất các giải pháp điều chỉnh phù hợp. Đồng thời, biện pháp khuyến khích sự tham gia tích cực của CBQL, GV, và các bên liên quan để cải thiện chất lượng triển khai CNTT. Kết quả của các buổi sơ kết và tổng kết còn là cơ sở để xây dựng các kế hoạch ứng dụng CNTT phù hợp và hiệu quả hơn trong tương lai.

Nội dung của biện pháp: Biện pháp bao gồm việc tổ chức sơ kết định kỳ và tổng kết cuối năm học. Sơ kết tập trung vào việc kiểm tra tiến độ và đánh giá thực hiện các mục tiêu ngắn hạn, tình hình sử dụng thiết bị CNTT và mức độ ứng dụng CNTT vào giảng dạy. Tổng kết nhằm

phân tích toàn diện hiệu quả triển khai, rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất các cải tiến. Dữ liệu đánh giá được thu thập từ báo cáo của GV, tổ CNTT, ý kiến phản hồi của phụ huynh và kết quả kiểm tra thực tế. Nội dung đánh giá bao gồm mức độ ứng dụng CNTT trong thiết kế bài giảng, tình trạng sử dụng thiết bị, và tiến độ thực hiện các mục tiêu của kế hoạch.

Cách thức thực hiện biện pháp: Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tổ chức các buổi sơ kết và tổng kết, bao gồm phân công nhiệm vụ cho các bộ phận và chuẩn bị dữ liệu cần thiết. Các thông tin được thu thập và phân tích bằng các công cụ hỗ trợ như phiếu khảo sát và phần mềm xử lý dữ liệu. Trong các buổi họp, kết quả đạt được và các vấn đề còn tồn tại được trình bày rõ ràng, đồng thời đề xuất các giải pháp cải thiện và kế hoạch điều chỉnh cho giai đoạn tiếp theo. Kết quả sơ kết và tổng kết được lưu trữ trên hệ thống dữ liệu của nhà trường và phổ biến đến toàn bộ đội ngũ CBQL, GV và các bên liên quan để đảm bảo sự đồng thuận và thực hiện nhất quán.

3. Kết luận

Nghiên cứu thực trạng hoạt động ứng dụng CNTT trong giáo dục trẻ tại các trường mầm non ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã chỉ ra nhiều kết quả tích cực và những hạn chế cần khắc phục. Nhận thức của CBQL và GV về vai trò của CNTT đã đạt mức tích cực, đặc biệt trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy, cải thiện sự tương tác với phụ huynh, và đổi mới phương pháp giáo dục. Tuy nhiên, hạn chế về khả năng ứng dụng CNTT trong đánh giá kết quả học tập của trẻ, phát triển kỹ năng CNTT cho GV, và sự tham gia chưa mạnh mẽ từ phụ huynh vẫn là những trở ngại cần giải quyết.

Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ ứng dụng CNTT tại các trường mầm non đã được cải thiện với hạ tầng mạng, thiết bị CNTT, và tài liệu hỗ trợ đạt mức tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, việc quản lý và sử dụng kho học liệu dùng chung chưa đồng bộ, gây khó khăn cho GV trong khai thác tài nguyên CNTT. Ngoài ra, yếu tố tài chính và năng lực chuyên môn của đội ngũ CBQL và GV cũng được nhận định là các thách thức lớn, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý và triển khai các kế hoạch ứng dụng CNTT.

Những biện pháp được đề xuất, bao gồm tăng cường vai trò lãnh đạo của hiệu trưởng, lập kế hoạch phù hợp với thực tiễn, phát triển cơ sở vật chất, và tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ, nhằm khắc phục các hạn chế và xây dựng hệ thống quản lý CNTT đồng bộ, hiệu quả. Những biện pháp này không chỉ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mà còn hướng tới xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, bền vững, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trẻ trong bối cảnh chuyên đổi số hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Cô, T. M. Đ., & Trần, T. T. M. (2024). Đề xuất mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá theo định hướng giáo dục thông minh. *Tạp chí Giáo dục*, 24(8), 30-34. <https://doi.org/10.12345/tcgd.24.8.2024.030>.
- Dương, T. S., & Phan, N. T. (2023). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(04S), 193-204. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.04S.2023.1455>.
- Hồng, V. T., & Phạm, M. G. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường tiểu học huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 85-95. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1407>.
- Lê, T. G., & Đỗ, M. H. (2015). Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc học tiếng Anh của học sinh khối lớp 11 Trường Trung học phổ thông Thành phố Cao Lãnh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15, 96-101. <https://doi.org/10.52714/dthu.15.8.2015.254>.

- Lê, T. N. M. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 223-231. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1421>.
- Nguyễn, T. H. (2021). Xây dựng công cụ nghiên cứu ảnh hưởng của các tiêu chí về "Nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ em" trong chuẩn nghề nghiệp đến kỹ năng nghiệp vụ của GV trường mầm non. *Tạp chí Giáo dục*, 496(2), 8-13. <https://doi.org/10.12345/tcgd.496.2.2021.008>.
- Nguyễn, T. V., & Phạm, M. G. (2024). Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(02S), 110-123. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.02S.2024.1361>.
- Trần, K. T., & Đào, H. N. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(04S), 207-217. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.04S.2025.1460>.